

Số: 148 /2021 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2021/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1976

HKTT: Số 19X Phố G, thị trấn T, huyện T, Thanh Hóa

Nơi công tác: Trường trung học cơ sở D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1972.

HKTT: Số 19X Phố G, thị trấn T, huyện T, Thanh Hóa

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1972.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Thanh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Lê Công Minh Đ (đã mất) và cháu Lê Thị Nhật H, sinh ngày 31/11/2004. Hiện nay cháu Nhật H đang ở cùng chị D. Ly hôn vợ chồng anh chị thỏa thuận giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và phần nợ*: Ngày 02 tháng 8 năm 2021 chị Lê Thị D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, anh H cũng đồng ý, không có ý kiến gì. Vì vậy đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị D nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 34.338.000đ (Ba tư triệu, ba trăm ba tám nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001331 ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Trả lại cho chị D số tiền 34.038.000đ (ba mươi tư triệu, không trăm ba tám nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND Thị trấn TS
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

